VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

Văn bản hợp nhất số 48/VBHN-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2020 hợp nhất Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

(Tiếp theo Công báo số 25 + 26)

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC MẪU BIỂU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Bộ, cơ quan Trung ương:.....

Chương:....

Mẫu biểu số 42

TỔNG HỢP THUYẾT MINH PHÂN BỔ CHI SỰ NGHIỆP PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN NĂM.....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Ước thực hiện năm hiện hành																
		I. Tổng nguồn tài chính của đơn vị				II. Dự toán chi												III. Chênh lệch thu chi
						1. Chi từ nguồn thu được để lại					2. Chi từ nguồn NSNN hỗ trợ							
							Chi thường xuyên					Chi thường xuyên			Chi không thường xuyên			
		Tổng cộng	Dự toán NSNN giao	Thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ công theo khung giá NN quy định	Thu từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật	Tổng cộng	Quỹ lương (1)	Quỹ nhuận bút (2)	Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý	Chi không TX (3)	Tổng cộng	Quỹ lương (1)	Quỹ nhuận bút (2)	Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý	Vốn đối ứng các dự án ODA	Các Đề án được Thủ tướng Chính phủ giao (4)	Hỗ trợ KP không thường xuyên khác (3)	
A	B	1= 2+3+4	2	3	4	5= 6+...+9	6	7	8	9	10= 11+...+16	11	12	13	14	15	16	17=1-5-10
	Tổng cộng																	

A	**CÁC ĐƠN VỊ THUỘC KHỐI HÀNH CHÍNH**																	
1	**Đơn vị A**																	
	....																	
B	**CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP**																	
I	**Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên và chi đầu tư**																	
1	Đơn vị A																	
	.....																	
II	**Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên**																	
1	Đơn vị A																	
	.....																	
III	**Đơn vị tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động**																	
1	Đơn vị A																	
	.....																	

IV	**Đơn vị do NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động**																	
1	Đơn vị A																	
	.....																	
C	**CÁC ĐƠN VỊ KHÁC**																	
1	Đơn vị A																	
	.....																	

(1) Thuyết minh rõ số biên chế được duyệt, số biên chế thực tế, hệ số lương được áp dụng và các chi phí tính theo lương.

(2) Thuyết minh rõ cơ sở tính toán.

(3) Kèm theo hồ sơ liên quan thuyết minh cơ sở phân bổ như: các quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, dự toán, kế hoạch mua sắm được duyệt....

(4) Thuyết minh chi tiết từng Đề án, căn cứ tính toán phân bổ.

Mẫu biểu số 42

TỔNG HỢP THUYẾT MINH PHÂN BỔ CHI SỰ NGHIỆP PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN NĂM.....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm phân bổ																
		I. Tổng nguồn tài chính của đơn vị				II. Dự toán chi												III. Chênh lệch thu chi
						1. Chi từ nguồn thu được để lại					2. Chi từ nguồn NSNN hỗ trợ							
							Chi thường xuyên					Chi thường xuyên			Chi không thường xuyên			
		Tổng cộng	Dự toán NSNN giao	Thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ công theo khung giá NN quy định	Thu từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật	Tổng cộng	Quỹ lương (1)	Quỹ nhuận bút (2)	Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý	Chi không TX (3)	Tổng cộng	Quỹ lương (1)	Quỹ nhuận bút (2)	Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý	Vốn đối ứng các dự án ODA	Các Đề án được Thủ tướng Chính phủ giao (4)	Hỗ trợ KP không thường xuyên khác (3)	
A	B	18=19+20+21	19	20	21	22=23+...+26	23	24	25	26	27=28+...+33	28	29	30	31	32	33	34=18-22-27
	Tổng cộng																	
A	**CÁC ĐƠN VỊ THUỘC KHỐI HÀNH CHÍNH**																	

1	Đơn vị A																	
	....																	
B	**CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP**																	
I	**Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên và chi đầu tư**																	
1	Đơn vị A																	
	.....																	
II	**Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên**																	
1	Đơn vị A																	
	.....																	
III	**Đơn vị tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động**																	
1	Đơn vị A																	
	.....																	

IV	**Đơn vị do NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động**																	
1	Đơn vị A																	
	.....																	
C	**CÁC ĐƠN VỊ KHÁC**																	
1	Đơn vị A																	
	.....																	

Bộ, cơ quan Trung ương:.....
Chương:....

Mẫu biểu số 43

THUYẾT MINH PHÂN BỔ DỰ TOÁN THU, CHI SỰ NGHIỆP THỂ DỤC, THỂ THAO NĂM.....

(Dùng cho các Bộ, cơ quan Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung / Đơn vị	Ước thực hiện năm trước																									
		Tổng nguồn tài chính của đơn vị				Dự toán chi																					III. Chênh lệch thu-chi
						Tổng số			Trong đó																		
									Chi thường xuyên									*Chi không thường xuyên*									
									Cộng chi thường xuyên			Quỹ lương			Các khoản chi thường xuyên khác			*Cộng chi không thường xuyên*			Nhiệm vụ chuyển tiếp của năm trước			Nhiệm vụ phát sinh mới trong năm			
		Tổng cộng	Ngân sách nhà nước	Thu phí được để lại	Các khoản thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	
A	Tổng dự toán được giao																										
B	Tổng kinh phí phân bổ																										
1	Đơn vị A																										

2	Đơn vị B																										
3	Đơn vị C																										
	...																										
C	**Tổng dự toán chưa phân bổ**																										
	Tổng cộng																										

(*) Thuyết minh chi tiết từng nhiệm vụ; cung cấp quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các hồ sơ có liên quan

Mẫu biểu số 43

THUYẾT MINH PHÂN BỔ DỰ TOÁN THU, CHI SỰ NGHIỆP THỂ DỤC, THỂ THAO NĂM.....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung / Đơn vị	Dự toán phân bổ																									
		Tổng nguồn tài chính của đơn vị				Dự toán chi																					III. Chênh lệch thu-chi
						Tổng số			Trong đó																		
									Chi thường xuyên									*Chi không thường xuyên (*)*									
									Cộng chi thường xuyên			Quỹ lương			Các khoản chi thường xuyên khác			*Cộng chi không thường xuyên*			Nhiệm vụ chuyển tiếp của năm trước			Nhiệm vụ phát sinh mới trong năm			
		Tổng cộng	Ngân sách nhà nước	Thu phí được để lại	Các khoản thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	
A	Tổng dự toán được giao																										
B	Tổng kinh phí phân bổ																										
1	Đơn vị A																										

Bộ, cơ quan Trung ương:..... **Mẫu biểu số 44.1**

Chương:.....

THUYẾT MINH PHÂN BỔ CHI SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG NĂM.....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm trước	Dự toán giao năm...
A	B	1	2
	Tổng chi		
I	**Kinh phí chi thường xuyên**		
1	Kinh phí nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN (theo số lượng, khối lượng và đơn giá sản phẩm được cấp có thẩm quyền quyết định)		
2	Kinh phí chi hoạt động thường xuyên bộ máy (theo số lượng viên chức, định mức phân bổ dự toán theo quyết định của cấp có thẩm quyền)		
II	**Kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên**		
1	***Kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường (1)***		
a	Dự án chuyển tiếp		
	- Dự án A		
	- Dự án....		
b	Dự án mở mới		
	- Dự án A		
	- Dự án....		

2	***Hỗ trợ xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích theo quyết định của cấp có thẩm quyền (1)***		
a	Dự án chuyển tiếp		
	- Dự án A		
	- Dự án...		
b	Dự án mở mới		
	- Dự án A		
	- Dự án....		
3	***Chi các hoạt động khác (2)***		
1	Vốn đối ứng dự án bảo vệ môi trường		
2	...		

Ghi chú:

(1) Thuyết minh từng dự án/nhiệm vụ: Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, thời gian thực hiện, tổng mức kinh phí được phê duyệt, lũy kế kinh phí đã bố trí đến hết năm hiện hành.

(2) Thuyết minh chi tiết theo từng nội dung cụ thể.

Bộ, cơ quan Trung ương:..... **Mẫu biểu số 44.2**

Chương:.....

THUYẾT MINH PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công	Đơn giá sản phẩm (đơn vị tính đồng)	Dự toán giao chi thường xuyên (đơn vị tính đồng)
A	B	1	2	3	4=2x3
I	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư**				
1	**Đơn vị...**				
a	*Danh mục A*				
	....				
2	**Đơn vị...**				
a	*Danh mục A*				
	...				
II	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên**				
1	**Đơn vị...**				
a	*Danh mục A*				
	....				
2	**Đơn vị...**				
	Danh mục A				
	...				

III	**Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên**				
1	**Đơn vị...**				
a	Danh mục A *(NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá)*				
b	Danh mục B *(NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá)*				
c	...				
2	**Đơn vị...**				
	....				
IV	**Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (1)**				
1	Đơn vị...				
	...				

Ghi chú (1): Cột 4. Dự toán giao chi thường xuyên = Số lượng người làm việc theo quyết định của cấp có thẩm quyền x Định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Bộ, cơ quan Trung ương:..... **Mẫu biểu số 45.1**

Chương:.....

THUYẾT MINH PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ NĂM...

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

	Nội dung	**Ước thực hiện năm trước**	**Dự toán giao năm...**
A	B	1	2
I	**Tổng chi**		
1	**Kinh phí chi thường xuyên**		
a	Kinh phí nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN (theo số lượng, khối lượng và đơn giá sản phẩm được cấp có thẩm quyền quyết định)		
b	Kinh phí chi hoạt động thường xuyên bộ máy (theo số lượng viên chức, định mức phân bổ dự toán theo quyết định của cấp có thẩm quyền)		
2	**Kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên**		
a	Kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ		
b	Kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sự nghiệp		
d	Vốn đối ứng dự án		
đ	....		
II	**Tổng chi tại phần I nêu trên chi tiết theo từng lĩnh vực hoạt động kinh tế như sau:**		

1	**Chi sự nghiệp giao thông**		
a	*Chi hoạt động kinh tế đường bộ*		
	- Bảo trì công trình đường bộ		
	- Quản lý công trình đường bộ		
	...		
b	***Chi hoạt động kinh tế đường thủy nội địa***		
	- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên		
	- Sửa chữa không thường xuyên đường thủy nội địa		
	....		
c	*Chi hoạt động kinh tế hàng không*		
	- Hoạt động an ninh, an toàn hàng không		
	...		
d	*Chi hoạt động tìm kiếm cứu nạn hàng hải*		
	- Hoạt động thường xuyên tìm kiếm cứu nạn		
	...		
đ	*Chi hoạt động đảm bảo trật tự an toàn giao thông*		
e	*Chi hoạt động kinh tế đường sắt*		
g	*Chi hoạt động kinh tế hàng hải*		
h	*Chi hoạt động giao thông khác*		
2	**Chi sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, thủy sản, lâm nghiệp**		
a	*Chi hoạt động kinh tế nông nghiệp*		

	- Khuyến nông		
	- Chương trình giống		
	- Sự nghiệp thú y		
	- Sự nghiệp bảo vệ thực vật		
	- Điều tra cơ bản về nông nghiệp		
	...		
b	*Chi hoạt động kinh tế thủy lợi*		
	- Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đê điều		
	- Chi phòng chống thiên tai		
	- Điều tra cơ bản về thủy lợi		
	...		
c	*Chi hoạt động kinh tế thủy sản*		
	- Hoạt động kiểm ngư		
	- Bảo vệ nguồn lợi thủy sản		
	- Điều tra cơ bản về thủy sản		
	...		
d	*Chi hoạt động kinh tế lâm nghiệp*		
	- Bảo vệ và phát triển rừng		
	- Hoạt động lực lượng kiểm lâm		
	- Điều tra cơ bản về lâm nghiệp		
	...		
đ	*Chi hoạt động kinh tế nông nghiệp, thủy lợi, thủy sản, lâm nghiệp khác*		
	...		

3	**Chi sự nghiệp tài nguyên**		
a	*Chi hoạt động kinh tế đo đạc bản đồ và viễn thám*		
	- Đo đạc và bản đồ		
	- Viễn thám		
	...		
b	*Chi hoạt động kinh tế đất đai*		
	- Điều tra cơ bản về đất đai		
	- Chi hoạt động khác		
	...		
c	*Chi hoạt động kinh tế địa chất khoáng sản*		
	- Điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản		
	- Các hoạt động khác		
	...		
d	*Chi hoạt động kinh tế tài nguyên nước*		
	- Điều tra cơ bản về tài nguyên nước		
	- Các hoạt động khác		
	...		
đ	*Chi hoạt động kinh tế biển và hải đảo*		
	- Điều tra cơ bản về biển và hải đảo		
	- Các hoạt động khác		
	...		
e	*Chi hoạt động kinh tế khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu*		

	- Hoạt động dự báo khí tượng thủy văn		
	- Hoạt động liên quan đến biến đổi khí hậu		
	- Điều tra cơ bản về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu		
	...		
g	*Chi hoạt động kinh tế tài nguyên khác*		
	...		
4	**Chi sự nghiệp thương mại, công nghiệp**		
a	*Chi hoạt động kinh tế thương mại*		
	- Hoạt động xúc tiến thương mại		
	- Hoạt động thương mại điện tử		
	- Điều tra cơ bản về thương mại		
	...		
b	*Chi hoạt động kinh tế công nghiệp*		
	- Khuyến công		
	- Điều tra cơ bản về công nghiệp		
	...		
c	*Chi hoạt động kinh tế công thương khác*		
	...		
5	**Chi sự nghiệp xây dựng**		
a	*Chi hoạt động kinh tế xây dựng*		
	- Điều tra cơ bản xây dựng		
	...		
b	*Chi hoạt động xây dựng khác*		
	...		

6	**Chi sự nghiệp....**		
7	**Chi nhiệm vụ quy hoạch**		
8	**Chi bảo quản hàng dự trữ quốc gia**		
	Trong đó:		
	Mặt hàng A		
	Mặt hàng B		
	(ghi rõ từng mặt hàng, đơn giá)		
9	**Trợ giá giữ đàn giống gốc**		
10	**Chi hoạt động kinh tế khác**		
	...		

Ghi chú: Thuyết minh chi tiết, cụ thể theo từng nội dung phân bổ, giao dự toán.

Bộ, cơ quan Trung ương:..... **Mẫu biểu số 45.2**

Chương:.....

THUYẾT MINH PHÂN BỔ DỰ TOÁN ĐIỀU TRA CƠ BẢN VÀ NHIỆM VỤ QUY HOẠCH NĂM.....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Nội dung	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Thời gian thực hiện từ.... đến....	Tổng mức kinh phí được phê duyệt	Lũy kế số bố trí đến hết năm trước	Dự toán giao năm...
A	B	1	2	3	4	5
I	**ĐIỀU TRA CƠ BẢN**					
1	**Dự án chuyển tiếp**					
	- Dự án A					
	- Dự án....					
	.....					
2	**Dự án mở mới**					
	- Dự án A					
	- Dự án....					
	.....					
II	**NHIỆM VỤ QUY HOẠCH**					
1	**Dự án chuyển tiếp**					
	- Dự án A					
	- Dự án....					
	.....					
2	**Dự án mở mới**					
	- Dự án A					
	- Dự án....					
	.....					

Bộ, cơ quan Trung ương:..... **Mẫu biểu số 45.3**

Chương:.....

THUYẾT MINH PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ NĂM....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công	Đơn giá sản phẩm (đồng)	Dự toán giao chi thường xuyên (đồng)
A	B	1	2	3	4=2x3
I	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư** (đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo giá tính đủ chi phí, có khấu hao TSCĐ)				
1	**Đơn vị...**				
a	*Danh mục A*				
b	*Danh mục B*				
	...				
2	**Đơn vị...**				
a	*Danh mục A*				
b	*Danh mục B*				
	...				
II	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên** (đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo giá tính đủ chi phí, không có khấu hao TSCĐ)				

1	**Đơn vị...**				
a	*Danh mục A*				
b	*Danh mục B*				
	....				
2	**Đơn vị...**				
	Danh mục A				
	Danh mục B				
	...				
III	**Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên** (đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo giá chưa tính đủ chi phí (chưa tính chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định)				
1	**Đơn vị...**				
a	Danh mục A *(NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá)*				
b	Danh mục B *(NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá)*				
c	....				
2	**Đơn vị...**				
	...				
IV	**Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (1)**				
1	Đơn vị...				
2	Đơn vị...				
	...				

Ghi chú (1): Cột 4. Dự toán giao chi thường xuyên = Số lượng người làm việc theo quyết định của cấp có thẩm quyền x Định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Bộ, cơ quan Trung ương:..... **Mẫu biểu số 46.1**

Chương:.....

THUYẾT MINH TỔNG HỢP PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NĂM.....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Ước thực hiện năm hiện hành	Năm.... (năm phân bổ)		
			Dự toán giao	Dự toán đã phân bổ cho các đơn vị trực thuộc	Phân bổ cho các đơn vị trực thuộc lần này
A	B	1	2	3	4
	Tổng chi = (I)+(II)+...				
I	**Khoản 463**				
1.1	*Kinh phí giao tự chủ*				
1.1.1	Quỹ lương (1)				
1.1.2	Chi thường xuyên theo định mức, trong đó:				
1.1.2.1.	Đoàn ra (2)				
1.1.2.2.	Đoàn vào (3)				
1.1.2.3.	Hội nghị, hội thảo (4)				
1.1.2.4.	Mua sắm, sửa chữa (5)				
1.1.2.5.	Nhiệm vụ đặc thù (6)				
...	...				
1.2	*Kinh phí giao không thực hiện tự chủ (7)*				
1.2.1	Tên nhiệm vụ...				

1.2.2	Tên nhiệm vụ...				
	...				
II	**Khoản..**				
	...				

Tài liệu thuyết minh phân bổ dự toán kèm theo:

(1) Thuyết minh theo các chỉ tiêu của từng đơn vị dự toán: số biên chế được giao, số biên chế thực tế có mặt tại thời điểm phân bổ dự toán, lương theo hệ số, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp;

(2) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Tên đoàn ra, đoàn vào, nước đến công tác, dự kiến số người, số ngày, kinh phí từng đoàn, đơn vị thực hiện;

(3) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Tên đoàn vào, dự kiến số người, số ngày, kinh phí từng đoàn, đơn vị thực hiện;

(4) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Tên hội nghị, hội thảo, kinh phí dự kiến phân bổ cho từng hội nghị, đơn vị thực hiện;

(5) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Danh mục mua sắm, sửa chữa theo số lượng, khối lượng, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị thực hiện mua sắm, sửa chữa;

(6) và (7) Chi tiết từng nhiệm vụ: Tên nhiệm vụ, dự toán; đối với các chương trình, dự án kèm theo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền và đơn vị thực hiện nhiệm vụ.

Bộ, cơ quan Trung ương:..... **Mẫu biểu số 46.2**

Chương:.....

THUYẾT MINH PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NĂM.....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

Tên loại, khoản	Nội dung	Ước thực hiện năm hiện hành	Năm phân bổ			Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	Mã số KBNN nơi đơn vị giao dịch
			Dự toán giao	Dự toán đã phân bổ cho các đơn vị trực thuộc	Phân bổ cho các đơn vị trực thuộc		
A	B	1	2	3	4	5	6
	Tổng chi						
1	**Đơn vị A**						
1.1	*Kinh phí giao tự chủ*						
1.1.1	Quỹ lương						
1.1.2	Chi thường xuyên theo định mức, trong đó:						
1.1.2.1.	Đoàn ra						
1.1.2.2.	Đoàn vào						
1.1.2.3.	Hội nghị, hội thảo						
1.1.2.4.	Mua sắm, sửa chữa						
1.1.2.5.	Nhiệm vụ đặc thù (1)						
...	....						
1.2	*Kinh phí giao không thực hiện tự chủ (1)*						
	...						

2	**Đơn vị B**						
	....						

(1) Chi tiết từng nhiệm vụ: Tên nhiệm vụ, dự toán; đối với các chương trình, dự án kèm theo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền.

Bộ, cơ quan Trung ương:..... **Mẫu biểu số 46.3**

Chương:.....

THUYẾT MINH PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM.....

(Dùng cho các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước gửi Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

Loại, khoản	**Nội dung**	**Ước thực hiện năm.... (năm hiện hành)**	**Năm... (năm phân bổ)**		
			Dự toán giao	**Dự toán đã phân bổ cho các đơn vị trực thuộc (nếu có)**	**Phân bổ cho các đơn vị trực thuộc lần này (nếu có)**
A	B	1	2	3	4
	Tổng chi (Kinh phí giao không thực hiện tự chủ)				
1	Loại..., khoản...				
1.1	*Kinh phí đảm bảo hoạt động của Hội (đối với các hội có tính chất đặc thù theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ)*				
1.1.1	Quỹ lương (1)				
1.1.2	Chi thường xuyên theo định mức, trong đó:				
1.1.2.1.	Đoàn ra (2)				
1.1.2.2.	Đoàn vào (3)				

1.1.2.3.	Hội nghị, hội thảo (4)				
1.1.2.4.	Mua sắm, sửa chữa (5)				
1.1.2.5.	Các nhiệm vụ đặc thù (6)				
1.2	*Kinh phí nhà nước giao gắn với nhiệm vụ của Nhà nước (7)*				
1.2.1	Tên nhiệm vụ...				
1.2.2	Tên nhiệm vụ...				
	....				
2	Loại..., khoản...				
	....				

Tài liệu thuyết minh phân bổ dự toán kèm theo:

(1) Thuyết minh theo các chỉ tiêu của từng đơn vị dự toán: số biên chế được giao, số biên chế thực tế có mặt tại thời điểm phân bổ dự toán, lương theo hệ số, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp;

(2) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Tên đoàn ra, đoàn vào, nước đến công tác, dự kiến số người, số ngày, kinh phí từng đoàn, đơn vị thực hiện;

(3) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Tên đoàn vào, dự kiến số người, số ngày, kinh phí từng đoàn, đơn vị thực hiện;

(4) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Tên hội nghị, hội thảo, kinh phí dự kiến phân bổ cho từng hội nghị, đơn vị thực hiện;

(5) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Danh mục mua sắm, sửa chữa theo số lượng, khối lượng, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị thực hiện mua sắm, sửa chữa;

(6) và (7) Chi tiết từng nhiệm vụ: Tên nhiệm vụ, dự toán; đối với các chương trình, dự án kèm theo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền và đơn vị thực hiện nhiệm vụ.

Bộ, cơ quan Trung ương:..... **Mẫu biểu số 47.1**

Chương:.....

THUYẾT MINH PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC ĐẢM BẢO XÃ HỘI NĂM....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG CỘNG	Nhóm đơn vị tự đảm bảo chi hoạt động thường xuyên (và cả đầu tư nếu có)					Nhóm đơn vị tự đảm bảo một phần chi hoạt động thường xuyên					Nhóm đơn vị do NSNN bảo đảm chi hoạt động thường xuyên				
			Cộng	Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị C	Đơn vị...	Cộng	Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị C	Đơn vị...	Cộng	Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị C	Đơn vị...
A	B	C=D+Đ+E	D	1	2	3	4	Đ	5	6	7	8	E	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG (I+II)																
I	**Chi cho đối tượng (2+3+4+5)**																
1	**Số đối tượng nuôi dưỡng thường xuyên**																
	- Đối tượng thương binh, bệnh binh, thân nhân liệt sỹ																
	- Đối tượng bảo trợ xã hội																

2	**Chi điều trị**																
	- Đối tượng thương binh, bệnh binh, thân nhân liệt sỹ																
	- Đối tượng bảo trợ xã hội																
3	**Chi các chính sách, chế độ cho đối tượng**																
	- Quà và ăn thêm ngày lễ tết																
	- Hỗ trợ nhà ở cho thương binh về gia đình																
	- Các chế độ khác của thương bệnh binh (DCCH, trung cấp đặc biệt, chi tiền tàu, xe cho thương binh, bệnh binh về thăm gia đình, sách báo...)																
	- Hỗ trợ nhà ở cho thương binh về gia đình																

4	**Chi phục vụ đối tượng**																
	- Điện, nước, vệ sinh môi trường, vật tư chuyên dùng, xăng dầu...																
	Chi mua sắm TSCĐ, trang thiết bị y tế, sửa chữa lớn																
	Trong đó:																
	- Mua tô tô																
5	**Chi thăm hỏi, đón tiếp đối tượng, thân nhân NCC**																
II	**Chi của đơn vị (3+4)**																
1	**Số biên chế được giao**																
2	**Số người lao động có mặt thực tế tại thời điểm lập dự toán**																
	- Số biên chế có mặt																
	- Số người lao động HĐ 68																

	- Số lao động hợp đồng khác																
3	**Chi nhiệm vụ thường xuyên**																
	Trong đó:																
a	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương																
b	Chi thường xuyên theo định mức																
4	**Chi nhiệm vụ không thường xuyên**																
	- Mua sắm, sửa chữa TSCĐ																
	- Vốn đối ứng dự án																
	- Nhiệm vụ...																
	- Nhiệm vụ...																
	...																

Bộ, cơ quan Trung ương:..... **Mẫu biểu số 47.2**

Chương:.....

THUYẾT MINH PHÂN BỔ DỰ TOÁN KINH PHÍ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG NĂM.....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG	TỔNG DỰ TOÁN PHÂN BỔ	CHI TRẢ TRỢ CẤP ƯU ĐÃI										CHI CÔNG VIỆC											
			Cộng tiền trợ cấp	*Trợ cấp hàng tháng*	*Trợ cấp một lần*				Trợ cấp ưu đãi giáo dục	Bảo hiểm y tế	Quà Lễ, Tết	Sách báo cán bộ LTCM	Dụng cụ chỉnh hình	*Điều trị, điều dưỡng*			*Mộ - NTLS*	*Hoạt động Khu TB*				*Công tác quản lý*		
					Tổng	Trợ cấp 1 lần theo chế độ thường xuyên	Ưu đãi khác cho TBB (gồm Tiền xe khám bệnh, phí giám định y khoa, hỗ trợ khác cho TB)	Các khoản trợ cấp khác (Thăm viếng, đón tiếp, phí giám định CĐHH và hỗ trợ khác cho thân nhân)						Cộng ĐTĐD	Điều trị	Điều dưỡng		Cộng	KĐTX	Mua sắm, sửa chữa	Hỗ trợ tiền điện, nước theo TT13	Cộng	Theo tỷ lệ quy định	Hỗ trợ khác
A	B	1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8	9	10	11	12	13=14+15	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	21=22+23	22	23
I	**Dự toán BTC giao**																							

II	**Chưa phân bổ**																							
III	**Phân bổ lần...**																							
1	Cục Người có công																							
1	Tên địa phương																							
2																								
6																								

Bộ, cơ quan Trung ương:..... **Mẫu biểu số 47.3**

Chương:.....

THUYẾT MINH PHÂN BỔ CHI LƯƠNG HƯU, TRỢ CẤP BẢO HIỂM XÃ HỘI NĂM.....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung chi	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM.... (NĂM HIỆN HÀNH)			DỰ TOÁN NĂM..... (NĂM PHÂN BỔ)		
		Số người hưởng chế độ bình quân năm... (người)	Dự toán phân bổ theo các chế độ	Mức chi bình quân một tháng theo dự toán được giao	Số người hưởng chế độ bình quân năm... (người)	Dự toán phân bổ theo các chế độ	Mức chi bình quân một tháng theo dự toán được giao
A	B	1	2	3	4	5	6
1	BHYT cho đối tượng BHXH						
2	Lương hưu						
3	Công nhân cao su						
4	Mất sức lao động, trợ cấp 91						
5	TN LĐ-BNN và NPV người bị TN						
6	Trợ cấp tuất						
7	Trợ cấp mai táng						
8	Cấp phương tiện trợ giúp, DCCH						
9	Trợ cấp hàng tháng QĐ 613						
10	Trợ cấp khu vực						
11	Chi phí chi trả						
	Cộng:						

Sở, cơ quan cấp tỉnh (Phòng, cơ quan cấp huyện):..... **Mẫu biểu số 48**

Chương:.....

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM.....

Đơn vị: (Đơn vị sử dụng ngân sách)

Mã số: (Đơn vị sử dụng ngân sách)

Mã KBNN nơi giao dịch

(Kèm theo quyết định (theo mẫu B, mẫu C) số:..... của.....)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
1	***Số thu phí, lệ phí***	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
	.....	
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
	.....	
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	
2.1	***Chi sự nghiệp.....***	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	***Chi quản lý hành chính***	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	
3.1	***Lệ phí***	
	Lệ phí A	

	Lệ phí B	
	.....	
3.2	***Phí***	
	Phí A	
	Phí B	
	.....	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	**Nghiên cứu khoa học (cấp huyện không có nội dung này)**	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	**Chi sự nghiệp kinh tế**	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	

7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình**	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	.....	

Ghi chú: (1) Trường hợp theo quy định phải giao tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện cải cách tiền lương, thì bổ sung thêm chỉ tiêu tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo từng lĩnh vực và nhiệm vụ chi.

Sở, cơ quan cấp tỉnh (Phòng, cơ quan cấp huyện):..... **Mẫu biểu số 49**

Chương:.....

PHÂN BỔ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM.....

(Kèm theo quyết định (theo mẫu B, mẫu C) số:..... của.....)

Dùng cho các Sở, cơ quan thuộc cấp tỉnh (Phòng, cơ quan thuộc cấp huyện) báo cáo Sở Tài chính (Phòng Tài chính), kho bạc nhà nước tỉnh (kho bạc nhà nước huyện)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng		
			Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị....
A	B	1	2	3	4
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
1	***Số thu phí, lệ phí***				
1.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
	.....				
1.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
	.....				
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
2.1	***Chi sự nghiệp.....***				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	***Chi quản lý hành chính***				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				

3	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**				
3.1	***Lệ phí***				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
	.....				
3.2	***Phí***				
	Phí A				
	Phí B				
	.....				
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	**Nghiên cứu khoa học (cấp huyện không có nội dung này)**				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	**Chi sự nghiệp kinh tế**				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình**				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	.....				
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN				
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch				

Ghi chú: (1) Trường hợp theo quy định phải giao tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện cải cách tiền lương, thì bổ sung thêm chỉ tiêu tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo từng lĩnh vực và nhiệm vụ chi.

BỘ TÀI CHÍNH **Mẫu biểu số 50**

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSNN THÁNG.... NĂM....

(Dùng cho Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ và các cơ quan có liên quan)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾ... THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM....
A	B	1	2	3	4	5
A	**TỔNG NGUỒN THU NSNN**					
I	**Thu cân đối NSNN**					
1	Thu nội địa					
2	Thu từ dầu thô					
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu					
4	Thu viện trợ					
II	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**					
B	**TỔNG CHI NSNN**					
1	Chi đầu tư phát triển					
2	Chi dự trữ quốc gia					
3	Chi trả nợ lãi					
4	Chi viện trợ					
5	Chi thường xuyên					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN					
8	Các nhiệm vụ chi khác					
C	**BỘI CHI NSNN/BỘI THU NSNN**					
D	**CHI TRẢ NỢ GỐC**					

BỘ TÀI CHÍNH **Mẫu biểu số 51**

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN THÁNG..... NĂM.....

(Dùng cho Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ và các cơ quan liên quan)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾ.... THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM....
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN					
I	**Thu nội địa**					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					
4	Thuế thu nhập cá nhân					
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí					
7	Các khoản thu về nhà, đất					
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp					
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước					
	- Thu tiền sử dụng đất					
	- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					

8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản					
10	Thu khác ngân sách					
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước					
II	**Thu từ dầu thô**					
III	**Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu**					
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế xuất khẩu					
	- Thuế nhập khẩu					
	- Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế khác					
2	Hoàn thuế GTGT					
IV	**Thu viện trợ**					

BỘ TÀI CHÍNH **Mẫu biểu số 52**

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN THÁNG.... NĂM.....

(Dùng cho Bộ Tài chính dùng để báo cáo Chính phủ và các cơ quan liên quan)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾ.... THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM....
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ CHI NSNN					
I	**Chi đầu tư phát triển**					
1	Chi đầu tư cho các dự án					
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp					
3	Chi đầu tư phát triển khác					
II	**Chi dự trữ quốc gia**					
III	**Chi trả nợ lãi**					
IV	**Chi viện trợ**					
V	**Chi thường xuyên**					
1	Chi quốc phòng					
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội					
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề					
4	Chi khoa học và công nghệ					

5	Chi y tế, dân số và gia đình					
6	Chi văn hóa thông tin					
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn					
8	Chi thể dục thể thao					
9	Chi bảo vệ môi trường					
10	Chi các hoạt động kinh tế					
11	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể					
12	Chi bảo đảm xã hội					
13	Chi thường xuyên khác					
VI	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**					
VII	**Dự phòng ngân sách**					
VIII	**Các nhiệm vụ chi khác**					

ĐƠN VỊ..... **Mẫu biểu số 53**

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN THÁNG..... NĂM.....

(Dùng cho cơ quan thuế, hải quan báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan có liên quan)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾ... THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM....
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG THU NSNN					
I	**Thu nội địa**					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					
4	Thuế thu nhập cá nhân					
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí					
	Trong đó lệ phí trước bạ					
7	Các khoản thu về nhà, đất					
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp					
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước					
	- Thu tiền sử dụng đất					
	- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					

8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản					
10	Thu khác ngân sách					
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước					
II	**Thu từ dầu thô**					
III	**Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu**					
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế xuất khẩu					
	- Thuế nhập khẩu					
	- Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế khác					
2	Hoàn thuế giá trị gia tăng					---

Ghi chú:

- Mẫu này áp dụng cho cả báo cáo 15 ngày và báo cáo Quý
- Tổng cục thuế báo cáo các chỉ tiêu I, II và III.2
- Tổng cục Hải quan báo cáo các chỉ tiêu III.1

ĐƠN VỊ..... **Mẫu biểu số 54**

THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NSNN QUÝ... NĂM.....

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC... QUÝ SO DỰ TOÁN (%)
			QUÝ...	LŨY KẾ.... QUÝ	
A	B	1	2	3	4
I	**Thu phí, lệ phí**				
1	***Tổng thu***				
	Chi tiết theo từng khoản thu				
2	**Thu phí được để lại đơn vị**				
	Chi tiết theo từng khoản thu				
3	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**				
	Chi tiết theo từng khoản thu				
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**				
A	**Chi thường xuyên**				
1	***Chi quản lý hành chính:***				
a	Kinh phí giao tự chủ				
	Quỹ lương				
	Chi thường xuyên theo định mức				
	Các khoản chi đặc thù ngoài định mức:				
	(chi tiết theo các khoản chi)				
	...				
b	Kinh phí không giao tự chủ				
	Chi tiết theo các khoản chi				

2	*Chi quốc phòng*				
3	*Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội*				
4	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*				
5	*Chi khoa học và công nghệ*				
6	*Chi y tế, dân số và gia đình*				
7	*Chi văn hóa thông tin*				
8	*Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn*				
9	*Chi thể dục thể thao*				
10	*Chi bảo vệ môi trường*				
11	*Chi bảo đảm xã hội*				
12	*Chi TX khác...*				
	....				
B	**Chi đầu tư phát triển**				
1	*Chi các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể*				
2	*Chi quốc phòng*				
3	*Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội*				
4	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*				
5	*Chi khoa học và công nghệ*				
6	*Chi y tế, dân số và gia đình*				
7	*Chi văn hóa thông tin*				
8	*Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn*				
9	*Chi thể dục thể thao*				
10	*Chi bảo vệ môi trường*				
11	*Chi bảo đảm xã hội*				
12	*Chi ĐT khác...*				
C	**Chi dự trữ**				

D	**Chi cải cách lương**				
E	**Chi CTMTQG, CTMT**				
1	Chương trình MTQG				
a	CTMTQG giảm nghèo bền vững				
	Dự án.....				
b	CTMTQG phát triển nông thôn mới				
	Nội dung....				
2	Chương trình mục tiêu				
a	....				

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ **Mẫu biểu số 55**

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSĐP THÁNG.... NĂM....

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾ.... THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM....
A	B	1	2	3	4	5
A	**TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**					
I	**Thu cân đối NSNN**					
1	Thu nội địa					
2	Thu từ dầu thô					
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu					
4	Thu viện trợ					
II	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**					
B	**TỔNG CHI NSĐP**					
I	**Chi cân đối ngân sách địa phương**					
1	Chi đầu tư phát triển					
2	Chi trả nợ lãi					
3	Chi thường xuyên					
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
5	Dự phòng NSNN					
6	Các nhiệm vụ chi khác					
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP**					
C	**BỘI CHI NSĐP/BỘI THU NSĐP**					
D	**CHI TRẢ NỢ GỐC**					

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.... **Mẫu biểu số 56**

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN THÁNG..... NĂM.....

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾ... THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM....
A	B	1	2	3	4	5
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**					
I	**Thu nội địa**					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					
4	Thuế thu nhập cá nhân					
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí					
	Trong đó lệ phí trước bạ					
7	Các khoản thu về nhà, đất					
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp					
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước					
	- Thu tiền sử dụng đất					
	- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					

8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản					
10	Thu khác ngân sách					
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước					
II	**Thu từ dầu thô**					
III	**Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu**					
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế xuất khẩu					
	- Thuế nhập khẩu					
	- Thuế TTĐB thu từ hàng, hóa nhập khẩu					
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế khác					
2	Hoàn thuế GTGT					
IV	**Thu viện trợ**					
B	**THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**					
1	Từ các khoản thu phân chia					
2	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%					

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.... **Mẫu biểu số 57**

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSĐP THÁNG.... NĂM.....

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾ... THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM....
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ CHI NSĐP					
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**					
I	**Chi đầu tư phát triển**					
1	Chi đầu tư cho các dự án					
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp					
3	Chi đầu tư phát triển khác					
II	**Chi trả nợ lãi**					
III	**Chi thường xuyên**					
1	Chi quốc phòng					
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội					
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề					
4	Chi khoa học và công nghệ					
5	Chi y tế, dân số và gia đình					

6	Chi văn hóa thông tin					
7	Chi phát thanh, truyền hình					
8	Chi thể dục thể thao					
9	Chi bảo vệ môi trường					
10	Chi các hoạt động kinh tế					
11	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể					
12	Chi bảo đảm xã hội					
13	Chi thường xuyên khác					
VI	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**					
VII	**Dự phòng ngân sách**					
VIII	**Các nhiệm vụ chi khác**					
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSĐP**					
1	Chương trình MTQG					
2	Cho chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư					
3	Chi cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên					

ĐƠN VỊ....., MÃ SỐ:..... **Mẫu biểu số 58**

MÃ CHƯƠNG:.....

MÃ KBNN GIAO DỊCH:.....

SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI KINH PHÍ NGÂN SÁCH CẤP CỦA ĐƠN VỊ DỰ TOÁN ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN SÁCH CÁC CẤP
NĂM..... CHUYỂN SANG NĂM.....

(Dùng cho các đơn vị dự toán ngân sách thuộc ngân sách các cấp báo cáo cơ quan kho bạc nhà nước)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Mã tính chất nguồn kinh phí (1)	Loại, Khoản	Mục, Tiểu mục	Số dư tài khoản tiền gửi
A	B	1	2	3	4
1	**Kinh phí thường xuyên(2)**				
a	- Kinh phí được giao tự chủ				
b	- Kinh phí được bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm.....				
...	....				
2	**Kinh phí chương trình MTQG và Chương trình mục tiêu (chi tiết từng chương trình)**				
	.....				

Ghi chú:

(1) Do Kho bạc Nhà nước thực hiện;

(2) Chi tiết theo từng nội dung được phép chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của Luật NSNN và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ.

...., ngày... tháng... năm....

KBNN nơi giao dịch xác nhận về số dư tài khoản tiền gửi của đơn vị
(Ghi rõ tổng số tiền ở cột số 4)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ (hoặc CHỦ ĐẦU TƯ)....., MÃ SỐ:..... **Mẫu biểu số 59**

MÃ CHƯƠNG:....

MÃ KBNN GIAO DỊCH:....

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CỦA CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN SÁCH CÁC CẤP THEO HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN NĂM... CHUYỂN SANG NĂM.....

(Dùng cho các đơn vị dự toán ngân sách, chủ đầu tư thuộc ngân sách các cấp báo cáo cơ quan kho bạc nhà nước)

Đơn vị: Đồng

STT	Đơn vị	Tính chất nguồn kinh phí (1)	Loại, Khoản	Dự toán năm được chi				Dự toán đã sử dụng đến 31/01 năm sau	Số dư tại thời điểm 31/01 được chuyển sang năm sau	
				Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang (2)	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh (3)		Số dư dự toán	Số dư tạm ứng
1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9	10=5-9	11
1	**CHI THƯỜNG XUYÊN(4)**									
a	- Kinh phí được giao tự chủ									
b	- Kinh phí được bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm.....									
...	.....									

2	**Kinh phí chương trình MTQG và Chương trình mục tiêu (chi tiết từng chương trình)**									
3	**CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (5)**									
1	Dự án A									
2	....									

Ghi chú: Mẫu biểu sử dụng cho cả chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển.

(1) Do Kho bạc Nhà nước thực hiện.

(2) Dự toán năm trước chuyển sang, gồm: số dư dự toán và số dư tạm ứng năm trước được chuyển sang năm sau.

(3) Dự toán điều chỉnh là hiệu số giữa số bổ sung với số giảm dự toán trong năm; nếu dương thì ghi dấu cộng (+), nếu âm thì ghi dấu trừ (-).

(4) Chi tiết theo từng nội dung được phép chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của Luật NSNN và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ.

(5) Đối với chi đầu tư phát triển, số dư dự toán, số dư tạm ứng (chưa thanh toán) chi đầu tư phát triển được chuyển sang năm sau theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

...., ngày... tháng... năm....

KBNN nơi giao dịch xác nhận về số dư tài khoản tiền gửi của đơn vị
(Ghi rõ tổng số của các chỉ tiêu ở cột số 5, 9, 10, 11)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

UBND..... **Mẫu biểu số 60**

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM.....

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

Phần thu	Tổng số	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã	Phần chi	Tổng số	Chi NS cấp tỉnh	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Tổng số thu					**Tổng số chi**				
A Tổng số thu cân đối ngân sách					**A Tổng số chi cân đối ngân sách**				
1 Các khoản thu NSĐP hưởng 100%					1 Chi đầu tư phát triển				
2 Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %					2 Chi trả nợ lãi, phí tiền vay				
3 Thu từ quỹ dự trữ tài chính					3 Chi thường xuyên				
4 Thu kết dư năm trước					4 Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5 Thu chuyển nguồn từ năm trước sang					5 Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới				
6 Thu viện trợ					6 Chi chuyển nguồn sang năm sau				
7 Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên									
Tr. đó: - Bổ sung cân đối ngân sách									
- Bổ sung có mục tiêu									
- Kết dư ngân sách năm quyết toán = (thu - chi) **- Bội chi = chi - thu**[1]									

B Vay của ngân sách cấp tỉnh[1] (chi tiết theo mục đích vay và nguồn vay)					**B Chi trả nợ gốc (chi tiết từng nguồn trả nợ gốc)[1]**				

Ngày tháng năm	*Ngày tháng năm*	*...., ngày tháng năm*
GIÁM ĐỐC KBNN.....	**CƠ QUAN TÀI CHÍNH/KẾ TOÁN**	**TM. UBND.....**
(Ký tên, đóng dấu)	*(Ký tên, đóng dấu)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú: Đây là mẫu chung cho cấp tỉnh, huyện, xã, khi báo cáo, dùng và in các chỉ tiêu thuộc phạm vi được giao quản lý của cấp tương ứng; [1] Ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã không có nội dung này.

(Cơ quan tài chính ký đối với ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, kế toán đối với NS cấp xã)

UBND..... **Mẫu biểu số 61**

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSĐP NĂM.....

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định		Thu NS TW	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(3):(1)	(9)=(3):(2)
	TỔNG SỐ (A+B+C+D+E)									
A	**THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**									
1	**Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý**									
	- Thuế giá trị gia tăng									
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác, dầu khí									
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp									
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt									
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước									
	- Thuế tài nguyên									
	Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí									

2	**Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý**									
	- Thuế giá trị gia tăng									
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp									
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt									
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước									
	- Thuế tài nguyên									
3	**Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài**									
	- Thuế giá trị gia tăng									
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí									
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp									
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí									
	- Thu từ khí thiên nhiên									
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt									
	Trong đó: - Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước									
	- Thuế tài nguyên									
	Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí									
	- Tiền thuê mặt đất, mặt nước									

	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí									
4	**Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh**									
	- Thuế giá trị gia tăng									
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp									
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt									
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước									
	- Thuế tài nguyên									
5	**Lệ phí trước bạ**									
6	**Thuế sử dụng đất nông nghiệp**									
7	**Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp**									
8	**Thuế thu nhập cá nhân**									
9	**Thuế bảo vệ môi trường**									
	Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu									
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước									
10	**Phí, lệ phí**									
	Bao gồm: - Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước trung ương thu									
	- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước địa phương thu									
	Trong đó: phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản									

11	**Tiền sử dụng đất**									
	Trong đó: - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý									
	- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý									
12	**Thu tiền thuê đất, mặt nước**									
13	**Thu tiền sử dụng khu vực biển**									
	Trong đó: - Thuộc thẩm quyền giao của trung ương									
	- Thuộc thẩm quyền giao của địa phương									
14	**Thu từ bán tài sản nhà nước**									
	Trong đó: - Do trung ương									
	- Do địa phương									
15	**Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước**									
	Trong đó: - Do trung ương xử lý									
	- Do địa phương xử lý									
16	**Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước**									
17	**Thu khác ngân sách**									
	Trong đó: - Thu khác ngân sách trung ương									
18	**Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản**									

	Trong đó: - Giấy phép do Trung ương cấp									
	- Giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp									
19	**Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác**									
20	**Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế**									
21	**Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả xổ số điện toán)**									
II	**Thu về dầu thô**									
1	***Thu về dầu thô theo hiệp định, hợp đồng***									
1.1	Thuế tài nguyên									
1.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp									
1.3	Lợi nhuận sau thuế được chia của Chính phủ Việt Nam									
1.4	Dầu lãi được chia của Chính phủ Việt Nam									
1.5	Thuế đặc biệt									
1.6	Thu khác									
2	***Thu về Condensate theo hiệp định, hợp đồng***									
3	***Phụ thu về dầu, khí***									

4	***Thu về khí thiên nhiên (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài)***									
III	**Thu Hải quan**									
1	Thuế xuất khẩu									
2	Thuế nhập khẩu									
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu									
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu									
5	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam									
6	Thu chênh lệch giá hàng xuất nhập khẩu									
7	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan hải quan thực hiện									
8	Phí, lệ phí hải quan									
9	Thu khác									
IV	**Thu Viện trợ**									
V	***Các khoản huy động, đóng góp***									
1	Các khoản huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng									
2	Các khoản huy động đóng góp khác									
VI	**Thu hồi vốn của Nhà nước và thu từ quỹ dự trữ tài chính**									

1	***Thu từ bán cổ phần, vốn góp của Nhà nước nộp ngân sách***									
2	***Thu từ các khoản cho vay của ngân sách***									
2.1	Thu nợ gốc cho vay									
2.2	Thu lãi cho vay									
3	***Thu từ quỹ dự trữ tài chính***									
B	**VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**									
I	**Vay bù đắp bội chi NSĐP**									
1	Vay trong nước									
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước									
II	**Vay để trả nợ gốc vay**									
1	Vay trong nước									
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước									
C	**THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH**									
I	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**									
1.	***Bổ sung cân đối***									
2.	***Bổ sung có mục tiêu***									
2.1	*Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước*									

2.2	*Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước*									
II	**Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên**									
D	**THU CHUYỂN NGUỒN**									
E	**THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH**									

Ngày tháng năm	*Ngày tháng năm*	*....., ngày tháng năm*
GIÁM ĐỐC KBNN.....	**CƠ QUAN TÀI CHÍNH/KẾ TOÁN**	**TM. UBND.....**
(Ký tên, đóng dấu)	*(Ký tên, đóng dấu)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú: Đây là mẫu chung cho cấp tỉnh, huyện, xã, khi báo cáo, dùng và in các chỉ tiêu thuộc phạm vi được giao quản lý của cấp tương ứng

UBND..... **Mẫu biểu số 62**

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM.....

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

	Nội dung chi	Dự toán năm		Quyết toán năm				So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định	Tổng số Chi NSĐP	Chi NS cấp tỉnh	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(3):(1)	(8)=(3):(2)
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH**								
I	**Chi đầu tư phát triển**								
1	**Chi đầu tư phát triển cho chương trình, dự án theo lĩnh vực**								
1.1	Chi quốc phòng								
1.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội								
1.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề								
1.4	Chi Khoa học và công nghệ								
1.5	Chi Y tế, dân số và gia đình								
1.6	Chi Văn hóa thông tin								
1.7	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn								
1.8	Chi Thể dục thể thao								

1.9	Chi Bảo vệ môi trường								
1.10	Chi các hoạt động kinh tế								
1.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể								
1.12	Chi Bảo đảm xã hội								
1.13	Chi ngành, lĩnh vực khác								
2	**Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp hoạt động công**								
3	**Chi đầu tư phát triển khác**								
II	**Chi trả nợ lãi vay theo quy định**								
III	**Chi thường xuyên**								
2.1	Chi quốc phòng								
2.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội								
2.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề								
2.4	Chi Khoa học và công nghệ								
2.5	Chi Y tế, dân số và gia đình								
2.6	Chi Văn hóa thông tin								
2.7	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn								
2.8	Chi Thể dục thể thao								
2.9	Chi Bảo vệ môi trường								
2.10	Chi các hoạt động kinh tế								
2.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể								

2.12	Chi Bảo đảm xã hội								
2.13	Chi khác								
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**								
V	**Chi chuyển nguồn**								
B	**CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI**								
1	Bổ sung cân đối								
2	Bổ sung có mục tiêu								
	Tr. đó: - Bằng nguồn vốn trong nước *- Bằng nguồn vốn ngoài nước*								
C	**CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**								
	TỔNG SỐ (A+B+C)								

Ngày tháng năm	*Ngày tháng năm*	*....., ngày tháng năm*
GIÁM ĐỐC KBNN.....	**CƠ QUAN TÀI CHÍNH/KẾ TOÁN**	**TM. UBND.....**
(Ký tên, đóng dấu)	*(Ký tên, đóng dấu)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

Đây là mẫu chung cho cấp tỉnh, huyện, xã, khi báo cáo, dùng và in các chỉ tiêu thuộc phạm vi được giao quản lý của cấp tương ứng

- Cột (1) chỉ phản ánh những chỉ tiêu TW giao ở dòng tương ứng

(1) - Phản ánh các khoản chi từ nguồn thu đơn vị được để lại chi theo chế độ quy định

CƠ QUAN BÁO CÁO **Mẫu biểu số 63**

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSĐP THEO MỤC LỤC NSNN

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: đồng

Cấp	Chương	Mục	Tiểu mục	NSNN	NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã
Hợp nhóm, Tiểu nhóm, Mục và Tiểu mục (hợp nhóm toàn bộ các cấp và hợp nhóm theo từng cấp)								

Ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC KBNN.....
(Ký tên, đóng dấu)

...., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH
(Ký tên, đóng dấu)

CƠ QUAN BÁO CÁO **Mẫu biểu số 64**

QUYẾT TOÁN CHI, TRẢ NỢ NSĐP THEO MỤC LỤC NSNN NĂM....

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: đồng

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
Hợp nhóm, Tiểu nhóm, Mục và Tiểu mục (hợp nhóm toàn bộ các cấp và hợp nhóm theo từng cấp)						

Ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC KBNN.....
(Ký tên và đóng dấu)

....., ngày tháng năm....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH
(Ký tên, đóng dấu)

CƠ QUAN BÁO CÁO **Mẫu biểu số 65**

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU THEO MỤC LỤC NSNN NĂM.....

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: đồng

Tên chương trình mục tiêu	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
Hợp nhóm, Tiểu nhóm, Mục và Tiểu mục (hợp nhóm toàn bộ các cấp và hợp nhóm theo từng cấp)						

Ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC KBNN.....
(Ký tên, đóng dấu)

CÁN BỘ TRÌNH
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH
(Ký tên, đóng dấu)

CƠ QUAN BÁO CÁO **Mẫu biểu số 66**

THUYẾT MINH TĂNG, GIẢM CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ NĂM.....

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

	Nội dung	**Tổng số**	**Trong đó**			**Ghi chú**
			NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã	
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5
	Số quyết toán chi tăng, giảm so với dự toán					
1	Do chính sách thay đổi					
	- Phụ cấp đặc biệt					
	- Phụ cấp khu vực					
	...					
2	Nhiệm vụ chi đột xuất được bổ sung					
	...					
	...					
3	Tăng, giảm biên chế so với dự toán					
	- Số biên chế tăng, giảm					
	- Số kinh phí tăng, giảm					
4	Mua sắm tài sản					
	Trong đó: - Số ô tô *- Số kinh phí*					

5	Sửa chữa trụ sở làm việc					
	....					

Ghi chú: Trường hợp (giảm) thì ghi số âm (có dấu trừ ở trước)

...., ngày tháng năm....

CÁN BỘ TRÌNH
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH
(Ký tên, đóng dấu)

CƠ QUAN BÁO CÁO **Mẫu biểu số 67**

THUYẾT MINH

CHI KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI NĂM.....

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã
A	B	1	2	3	4
A	**Tổng nguồn**				
I	Nguồn trong nước				
1	Trung ương bổ sung				
2	Các tổ chức, cá nhân trong nước ủng hộ				
3	Nguồn của NSĐP				
	Tr. đó: - Từ nguồn dự phòng				
	- Từ quỹ dự trữ tài chính				
	- Từ nguồn tăng thu				
	- Từ nguồn thưởng vượt thu				
	- Từ nguồn khác				
4	Các nguồn khác				
II	Nguồn viện trợ nước ngoài				
B	**Tổng kinh phí sử dụng đã được quyết toán chi NSĐP**				

I	Chi đầu tư XDCB				
II	Chi thường xuyên				
1	Chi sự nghiệp kinh tế				
2	Chi giáo dục				
3	Chi y tế				
4	Chi đảm bảo xã hội				
	....				

...., ngày tháng năm....

CÁN BỘ TRÌNH
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH
(Ký tên, đóng dấu)

CƠ QUAN BÁO CÁO **Mẫu biểu số 68**

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG
NGUỒN DỰ PHÒNG, TĂNG THU VÀ THƯỞNG VƯỢT DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM....

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
			Dự phòng	Tăng thu	Thưởng vượt dự toán thu	
A	B	1	2	3	4	5
A	**Tổng nguồn**					
B	**Tổng kinh phí sử dụng đã được quyết toán chi NSĐP**					
I	Chi đầu tư XDCB					
II	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn doanh nghiệp (nếu có theo phân cấp)					
III	Chi thường xuyên					
1	Chi sự nghiệp kinh tế					
2	Chi giáo dục					
3	Chi y tế					
4	Chi đảm bảo xã hội					
...	...					

...., ngày tháng năm....

CÁN BỘ TRÌNH
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Đây là mẫu chung cho cấp tỉnh, huyện, xã, khi báo cáo dùng các chỉ tiêu thuộc phạm vi được giao quản lý của cấp tương ứng

CƠ QUAN BÁO CÁO **Mẫu biểu số 69**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KIỂM TOÁN, THANH TRA NĂM.....

(Dùng đơn vị dự toán cấp I các cấp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp; UBND cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Số kiến nghị của		Số xử lý năm.....		Số tồn tại chưa xử lý		Ghi chú
		Thanh tra	Kiểm toán	Thanh tra	Kiểm toán	Thanh tra	Kiểm toán	
I	**Kiến nghị của kiểm toán, thanh tra các năm trước còn tồn tại chưa xử lý**							
1	Các khoản thu phải nộp ngân sách							
	Chi tiết:...							
	...							
2	Các khoản ghi thu, ghi chi vào ngân sách							
	Chi tiết:....							
	....							
3	Số chi sai chế độ phải xuất toán							
a	Nộp trả ngân sách:							

	Trong đó: - Xây dựng cơ bản							
	- Chi thường xuyên							
b	Cơ quan tài chính giảm trừ cấp phát							
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản							
	- Chi thường xuyên							
4	Bổ sung quyết toán ngân sách năm nay							
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản							
	- Chi thường xuyên							
II	**Kiến nghị của kiểm toán, thanh tra năm nay**							
1	Các khoản thu phải nộp ngân sách							
	Chi tiết:....							
	...							
2	Các khoản ghi thu, ghi chi vào ngân sách							
	Chi tiết:....							
	...							
3	Số chi sai chế độ phải xuất toán							

a	Nộp trả ngân sách:							
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản							
	- Chi thường xuyên							
b	Cơ quan tài chính giảm trừ cấp phát							
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản							
	- Chi thường xuyên							
4	Chuyển quyết toán ngân sách năm sau							
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản							
	- Chi thường xuyên							
III	**Các vấn đề khác liên quan cần giải trình**							
	.....							

...., ngày tháng năm....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/CHỦ TỊCH UBND
(Ký tên, đóng dấu)

CƠ QUAN BÁO CÁO: **Mẫu biểu số 70**

BÁO CÁO CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU NĂM....

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm trước (năm liền kề)	Năm báo cáo	Năm báo cáo so với năm liền kề		Giải trình
				Số tuyệt đối	Số tương đối	
A	B	1	2	3=2-1	4=3/1	5
1	Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển sang năm sau theo quy định của Luật đầu tư công. Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định về việc cho phép chuyển nguồn sang năm sau nữa, nhưng không quá thời hạn giải ngân của dự án nằm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn					
2	Chi mua sắm trang thiết bị đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng mua sắm trang thiết bị ký bước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán					
3	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội					

4	Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước; các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi					
5	Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao của các đơn vị dự toán trực thuộc					
6	Kinh phí nghiên cứu khoa học bố trí cho các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền quyết định đang trong thời gian thực hiện					
7	Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định cho phép sử dụng vào năm sau					

(Giải trình: Nêu lý do số liệu năm báo cáo tăng/giảm so với số liệu năm liền kề)

...., ngày tháng năm....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC MẪU QUYẾT ĐỊNH GIAO DỰ TOÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

SỐ THỨ TỰ MẪU	NỘI DUNG MẪU	CƠ QUAN BÁO CÁO VÀ CƠ QUAN NHẬN BÁO CÁO
Mẫu A:	Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước năm....	Dùng cho: - Bộ, cơ quan Trung ương giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc - Bộ, cơ quan Trung ương gửi Bộ Tài chính và Kho bạc Nhà nước
Mẫu B:	Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước năm....	Dùng cho: - Sở, cơ quan thuộc cấp tỉnh giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc - Sở, cơ quan thuộc cấp tỉnh gửi Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước cùng cấp
Mẫu C:	Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước năm....	Dùng cho: - Phòng, cơ quan thuộc cấp huyện giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc - Phòng, cơ quan thuộc cấp huyện gửi Phòng Tài chính và Kho bạc Nhà nước cùng cấp

Mẫu A

BỘ.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....(ĐV)	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH [1]

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm.....

BỘ TRƯỞNG BỘ.....

- Căn cứ Nghị định số..... ngày..... của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ.....;

- Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm.....;

- Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giao dự toán ngân sách nhà nước năm;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm..... cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Bộ... theo phụ lục[2] đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm..... được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Bộ Tài chính (3);
- KBNN (4);
- Đơn vị sử dụng ngân sách (5);
- KBNN nơi giao dịch (5) (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Lưu.....

Ghi chú:

(1) Mẫu này áp dụng cho các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở trung ương.

(2) Mẫu biểu số 36, 37 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này;

(3) Kèm phụ lục theo mẫu biểu số 36, 37 và thuyết minh phân bổ theo mẫu biểu số 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46 và 47 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này;

(4) Kèm phụ lục theo mẫu biểu số 37 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này;

(5) Kèm phụ lục theo mẫu biểu số 36 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này.

Mẫu B

SỞ..... **-------** Số:...../.....(ĐV)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------** *....., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH (1)

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm.....

GIÁM ĐỐC SỞ.....

- Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của Ủy ban nhân dân... về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở.....

- Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của Ủy ban nhân dân..... về giao dự toán ngân sách nhà nước năm.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm..... cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở... theo phụ lục(2) đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm..... được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Sở Tài chính(3);
- KBNN tỉnh (thành phố)(4);
- Đơn vị sử dụng ngân sách(5);
- KBNN nơi giao dịch(5) (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Lưu.....

Ghi chú

(1) Mẫu này áp dụng cho các sở, ban, ngành thuộc cấp tỉnh;

(2) Mẫu biểu số 48, 49 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này.

(3) Mẫu biểu số 48, 49 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này.

(4) Mẫu biểu số 49 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này.

(5) Mẫu biểu số 48 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này.

Mẫu C

PHÒNG..... **-------** Số:...../..... (ĐV)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------** *....., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH[1]

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm.....

TRƯỞNG PHÒNG.....

- Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của Ủy ban nhân dân... về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Phòng....

- Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của Ủy ban nhân dân..... về giao dự toán ngân sách nhà nước năm.....

- Căn cứ ý kiến của Phòng Tài chính tại văn bản số..... ngày..... về phương án phân bổ ngân sách năm....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm..... cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Phòng... theo phụ lục[2] đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm.... được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Phòng Tài chính[3]...;
- KBNN huyện[4] (thị xã,...);
- Đơn vị sử dụng ngân sách[5];
- Lưu.....

Ghi chú:

(1) Mẫu này áp dụng cho các phòng, ban thuộc cấp huyện;

(2) Mẫu biểu số 48, 49 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này.

(3) Mẫu biểu số 48, 49 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này.

(4) Mẫu biểu số 49 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này.

(5) Mẫu biểu số 48 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng